

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững theo chuỗi liên kết giai đoạn 2020-2025

I. Thực trạng liên kết sản xuất, chế biến, quản lý chất lượng, tiêu thụ nông sản và thu hút đầu tư.

1. Sơ lược chung kết quả các chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp.

- Tổng diện tích nông nghiệp: 54.310 ha /54.111ha, đạt 100,4% KH
- Tổng diện tích cây dài ngày: 41.333 ha /41.314ha, đạt 100% KH
- Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm: 12.977ha/12.886ha, đạt 100,7% KH
- Sản lượng cà phê nhân xô: 55.992 tấn/55.935 tấn, đạt 100,1 % KH
- Sản lượng Hạt tiêu: 27.111tấn/30.374tấn, đạt 89,3% KH

2. Tình hình thực hiện chính sách và phát triển kinh tế hợp tác.

- Theo loại hình hoạt động nông nghiệp và dịch vụ: Trên địa bàn huyện có 28 HTX hoạt động về trồng trọt, chăn nuôi; kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; dịch vụ thu gom rác thải; đang lát thổ cẩm; Doanh thu bình quân của HTX nông nghiệp, dịch vụ năm 2019 ước đạt: 90 triệu đồng. Lợi nhuận bình quân ước đạt: 30-40 triệu đồng/HTX/năm.

Năm 2019, thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX lĩnh vực nông nghiệp ước đạt 30 triệu đồng/người/năm.

Nhìn chung các HTX nông nghiệp, dịch vụ thương mại trên địa bàn huyện quy mô còn nhỏ, vốn, tài sản ít nên tình hình hoạt động của HTX trong lĩnh vực này còn rất khó khăn. Bên cạnh đó trình độ quản lý của các HTX còn yếu chưa được bồi dưỡng đào tạo cơ bản. Hoạt động của các HTX theo Luật HTX năm 2012 bước đầu còn nhiều bất ngờ chưa đi đúng theo định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Tình hình thu hút đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

Hiện nay trên địa bàn huyện đã triển khai chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên hiện nay việc thu hút đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn trên địa bàn huyện vẫn còn nhiều hạn chế và yếu kém trong việc xây dựng chiến lược thu hút đầu tư, chiến lược xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp.

4. Tình hình sản xuất, chế biến, quản lý chất lượng và tiêu thụ các nông sản chủ lực của địa phương.

4.1. Một số sản phẩm trồng trọt chủ lực

a. Cà phê

- Diện tích: 22991ha
- Khả năng lợi thế phát triển: Đắk Song có nhiều điều kiện thích hợp để phát triển cây cà phê.

- Khu vực trồng tập trung: phân bố hầu hết tại địa bàn các xã.
- Hình thức trồng chủ yếu: trồng thuần, hoặc xen canh với hồ tiêu, cây ăn quả.
- Các tiến bộ KH-CN đã áp dụng: giống mới, thâm canh tăng năng suất, tưới tiên tiến,...

- Công tác quản lý chất lượng, xây dựng chứng nhận, thương hiệu cho sản phẩm: Hiện nay phần lớn sản phẩm cà phê đang bán ở dạng thô. Một số đã được phơi trong nhà kính, các sản phẩm cà phê rang xay đã được các cơ sở sản xuất chế biến, đóng gói.

- Hình thức thu hoạch: hái thủ công
- Sơ chế/ chế biến: chủ yếu là chế biến thô, một số ít có rang xay.
- Trên địa bàn hiện có một số công ty, doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu, thu mua cà phê: như công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu An Phong Đắk Nông; doanh nghiệp Quang Vinh, đình Diệm, Cường Huyện...

b. Hồ tiêu

- Diện tích: 14.026 ha
- Khả năng lợi thế phát triển: Đắk Song có nhiều điều kiện thích hợp để phát triển cây hồ tiêu.

- Khu vực trồng tập trung: phân bố hầu hết tại địa bàn các xã.
- Hình thức trồng chủ yếu: trồng thuần, hoặc xen canh với cà phê, cây ăn quả.
- Các tiến bộ KH-CN đã áp dụng: giống mới, thâm canh tăng năng suất, tưới tiên tiến, sử dụng chế phẩm sinh học...

- Công tác quản lý chất lượng, xây dựng chứng nhận, thương hiệu cho sản phẩm: Hiện nay sản phẩm hồ tiêu Đắk Song đang trên đà xây dựng chỉ dẫn địa lý.

- Hình thức thu hoạch: hái thủ công
- Sơ chế/ chế biến: chủ yếu là chế biến thô, một số ít, một số được chế biến thành tiêu sọ, tiêu đỏ, tinh dầu tiêu...

- Trên địa bàn hiện có một số công ty, doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu, thu mua hồ tiêu: như công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu An Phong Đắk Nông; công ty SAM, doanh nghiệp Quang Vinh, Đình Diệm, Cường Huyện...

UBND huyện đã lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh xem xét, công nhận 02 vùng NNUDCNC tại xã Thuận Hà, Thuận Hạnh

c. Cây ăn quả (bơ, sầu riêng, xoài, mít, ...)

- Diện tích: 2796 ha
- Khả năng lợi thế phát triển: Đắk Song có nhiều điều kiện thích hợp để phát triển cây ăn quả.

- Khu vực trồng tập trung: Thuận Hà, Thuận Hạnh, Nam Bình, Trường Xuân...
- Hình thức trồng chủ yếu: chủ yếu trồng xen canh với cà phê, hồ tiêu.
- Các tiến bộ KH-CN đã áp dụng: giống mới, thâm canh tăng năng suất,.....

- Công tác quản lý chất lượng, xây dựng chứng nhận, thương hiệu cho sản phẩm:
- Hình thức thu hoạch: hái thủ công
- Sơ chế/ chế biến: chủ yếu là bán thô.
- Trên địa bàn chưa có các công ty sản xuất, chế biến các sản phẩm từ cây ăn quả.

Chỉ có một số công ty, doanh nghiệp thu mua cây ăn quả nhỏ lẻ.

d. Cây lương thực (ngô, lúa nước)

- Diện tích: 2571 ha
 - Khả năng lợi thế phát triển: Diện tích lúa nước và ngô có xu thế giảm so với các năm trước, nguyên nhân do người dân chuyển đổi sang các loại cây trồng khác như cà phê, cây ăn quả, bí đỏ, rau các loại...

- Khu vực trồng tập trung: Đăk Mól, Đăk Hòa, NămNjang, Thuận Hà...
- Hình thức trồng chủ yếu: chủ yếu trồng thuần.
- Các tiến bộ KHCN đã áp dụng: giống mới, thâm canh tăng năng suất,.....
- Công tác quản lý chất lượng, xây dựng chứng nhận, thương hiệu cho sản phẩm:

chưa có

- Hình thức thu hoạch: lúa thu hoạch bằng máy gặt, bắp bẻ thủ công
- Sơ chế/ chế biến: chủ yếu là bán thô.
- Trên địa bàn chưa có các công ty sản xuất, chế biến các sản phẩm từ cây lương

thực.

e. Cây thực phẩm (rau, đậu, khoai lang)

- Diện tích: 2230ha
 - Khả năng lợi thế phát triển: Đăk Song có nhiều điều kiện thích hợp để phát triển cây thực phẩm, đặc biệt là diện tích rau màu các loại.

- Khu vực trồng tập trung: Thuận Hạnh, Thuận Hà...
- Hình thức trồng chủ yếu: chủ yếu trồng thuần.
- Các tiến bộ KHCN đã áp dụng: giống mới, thâm canh tăng năng suất,.....
- Công tác quản lý chất lượng, xây dựng chứng nhận, thương hiệu cho sản phẩm:

chưa có

- Hình thức thu hoạch: thủ công
- Sơ chế/ chế biến: chủ yếu là bán thô.
- Trên địa bàn chưa có các công ty sản xuất, chế biến các sản phẩm từ cây thực phẩm, chủ yếu nông dân bán thô cho các thương lái.

4.2. Một số sản phẩm chăn nuôi

+ Tổng đàn trâu bò 2879 con

+ Tổng đàn lợn: 40.477 con

+ Tổng đàn dê: 3445con

+ Tổng đàn gia cầm: 296000 con

- Khả năng lợi thế phát triển: Đăk Song có nhiều điều kiện thích hợp để phát triển chăn nuôi tập trung.

- Khu vực chăn nuôi tập trung: Nam Bình, Thuận Hạnh, Thuận Hà, Đăk Hòa, Trường Xuân, Nậm Njang.

- Hình thức chăn nuôi chủ yếu: gia công cho công ty.

- Các tiến bộ KHCN đã áp dụng: giống mới, mô hình trại lạnh, hệ thống xử lý nước thải Biogas.

- Công tác quản lý chất lượng, xây dựng chứng nhận, thương hiệu cho sản phẩm: chưa có

4.3. Một số sản phẩm thủy sản

- Diện tích nuôi trồng thủy sản 703 ha. Chủ yếu được người dân nuôi thả tại các hồ đập thủy lợi, các ao hồ tự mức.

- Người dân chưa chú trọng phát triển các sản phẩm thủy sản.

5. Kết quả thực hiện hoạt động liên kết trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên địa bàn huyện.

Hiện nay, ngành nông nghiệp đã nỗ lực và triển khai hỗ trợ được 309 ha hồ tiêu đạt tiêu chuẩn hữu cơ và Viet GAP, 1204 ha hồ tiêu đạt các tiêu chuẩn khác như Rain forrest...; đã xây dựng chứng nhận VietGAP cho 8 ha rau, 40 ha sầu riêng, 25 ha bơ... ngoài ra các tổ chức, trang trại sản xuất ban đầu được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, điều kiện vệ sinh thú y. Riêng đối với các hộ sản xuất ban đầu nhỏ lẻ không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được hướng dẫn ký cam kết sản xuất an toàn với UBND cấp xã nơi sản xuất và được kiểm tra việc ký cam kết theo quy định.

Trên địa bàn huyện hiện có 03 cơ sở chế biến nông sản áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP (Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn) để đáp ứng các rào cản trong xuất khẩu hàng hóa của huyện ra thị trường thế giới. Các cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh nhỏ đều được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo quy định và được kiểm tra định kỳ việc duy trì điều kiện đảm bảo ATTP.

Ngoài việc kiểm soát ATTP theo từng công đoạn của từng tổ chức/cá nhân nêu trên thì việc liên kết sản xuất theo chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm đang được một số doanh nghiệp quan tâm và thực hiện.

Thông qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ và thu hút đầu tư nêu trên số lượng và quy mô các chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh có chiều hướng hình thành và phát triển. Đến nay, huyện có 06 chuỗi liên kết với sự tham gia liên kết của 04 doanh nghiệp, một số HTX và cơ sở. Các sản phẩm của các chuỗi đều áp dụng các tiêu chuẩn và được cấp chứng nhận tiêu chuẩn, như: Chuỗi sản phẩm heo thịt, gia cầm của Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam được chứng nhận VietGAP cho 31 trại heo và 01 trại gia cầm; chuỗi sản xuất tiêu thụ hồ tiêu của Công ty CPTM và DV XNK Trân Châu, Công ty CP Đầu tư và XNK An Phong, công ty cổ phần Sam nông nghiệp công nghệ cao; công ty gia vị Hương Sơn Hà, công ty cổ phần Haprosimex. Về xây dựng chỉ dẫn địa lý, hiện nay đang xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Hồ tiêu huyện Đăk Song.

Hầu hết các loại nông sản chủ lực của huyện đã có mô hình liên kết chuỗi hình thành và phát triển. Các chuỗi liên kết chủ yếu theo hình thức liên kết dọc từ Doanh nghiệp đến người dân sản xuất, liên kết ngang liên kết giữa người sản xuất với nhau (chủ yếu ở các tổ hợp tác, HTX) và dạng liên kết hỗn hợp giữa doanh nghiệp với các tổ hợp tác, HTX và giữa người sản xuất với nhau trong cùng tổ hợp hoặc trong cùng HTX.

Về hình thức liên kết: Trong tổng số 05 chuỗi liên kết hiện nay, phần lớn nội dung liên kết là sản xuất và tiêu thụ nông sản. Hiện có 01 chuỗi liên kết hoàn chỉnh theo mô hình chuỗi giá trị (từ cung ứng vật tư, chuyển giao kỹ thuật, thu mua, tiêu thụ sản phẩm). Hiện có 04 chuỗi liên kết đã được chứng nhận về chất lượng sản phẩm trong nước và 01 chứng nhận về chất lượng sản phẩm quốc tế (Hàng tiêu hữu cơ).

Thực tế triển khai thực hiện chính sách liên kết chuỗi trên địa bàn huyện cho thấy đây là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với nhu cầu thiết thực của các DN, HTX và hộ nông dân. Đến nay, có nhiều chuỗi liên kết thực hiện khá thành công, đem lại hiệu quả thiết thực cho các bên tham gia liên kết, quy mô sản xuất, sản lượng nông sản và số lượng thành viên tham gia không ngừng tăng qua các năm.

Qua hoạt động tại các chuỗi cho thấy, ngoài ổn định đầu ra cho nông sản, chủ động nguồn nguyên liệu cho chế biến, việc các nông sản tham gia liên kết chuỗi có chứng nhận sản phẩm an toàn, được canh tác theo đúng quy trình kỹ thuật được dán tem truy xuất nguồn gốc, được sơ chế và chế biến trước khi đưa ra thị trường nên phần lớn có giá bán cao hơn từ 15-20% giá của sản phẩm cùng loại trên thị trường. Bên cạnh đó, việc các đơn vị sản xuất, sơ chế, chế biến tham gia mô hình chuỗi sản xuất đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đã thực hiện tốt việc kiểm soát ATTP theo chuỗi, kết quả phân tích mẫu các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm đều đạt yêu cầu theo quy định. Các cơ sở sản xuất theo chuỗi an toàn thực phẩm đã đạt hiệu quả rất lớn, toàn bộ diện tích trong chuỗi được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, tiêu chuẩn hữu cơ, sản phẩm tiêu thụ tăng nhanh và ổn định, từ đó tiếp tục củng cố niềm tin đối với người tiêu dùng trên thị trường. Thông qua đó, giá trị gia tăng của nông sản được nâng lên, quyền lợi của người sản xuất được bảo vệ, người nông dân tham gia chuỗi không phải lo lắng với vấn đề đầu ra của sản phẩm.

Mặc dù thực tiễn đã chứng minh tính ưu việt của các hình thức liên kết trong sản xuất, chủ trương đẩy mạnh liên kết trong sản xuất trên địa bàn huyện đã đạt được một số kết quả. Nhiều chuỗi liên kết mới được hình thành, số lượng thành viên, quy mô diện tích, sản lượng, chủng loại nông sản tham gia chuỗi tiếp tục tăng qua các năm. Tuy nhiên, tỷ lệ nông sản tiêu thụ qua chuỗi vẫn còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và chưa đáp ứng với kỳ vọng của huyện. Một số chuỗi liên kết thiếu tính bền vững, khả năng mở rộng thị trường cũng như mở rộng liên kết còn hạn chế; quá trình vận hành một số chuỗi còn thiếu tính minh bạch, chưa tạo được uy tín, niềm tin cho các thành viên tham gia (đặc biệt là quá trình phân loại, xác định giá cả sản phẩm và việc tuân thủ các nội dung theo yêu cầu hợp đồng chưa nghiêm).

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp, các ngành, có nhiều chương trình, nghị quyết, dự án hỗ trợ, phát triển nông nghiệp.

- Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, diện tích canh tác rộng lớn, một số sản phẩm chủ lực của huyện đã hình thành được vùng nguyên liệu tập trung với sản lượng lớn, chất lượng đảm bảo; đây là điều kiện thuận lợi đầu tiên để thu hút đầu tư cũng như khuyến khích các doanh nghiệp, HTX hình thành và phát triển các hoạt động liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

- Người nông dân có kinh nghiệm và kiến thức nhất định trong sản xuất nông nghiệp, được tiếp cận với KHCN mới nên có nhiều thuận lợi khi triển khai các dự án liên

kết sản xuất và tiêu thụ nông sản, đặc biệt là ý thức chấp hành các điều kiện nghiêm ngặt trong sản xuất an toàn cũng như tuân thủ các quy định của hợp đồng liên kết. Các doanh nghiệp, HTX, nông dân luôn sẵn sàng tiếp thu các công nghệ trong sản xuất và quản lý trang trại.

- Lực lượng doanh nghiệp, HTX, trang trại trên địa bàn huyện đang được quan tâm phát triển, là nhân tố, nền tảng để phát triển liên kết; có một số dự án đầu tư, nhiều mô hình liên kết thực hiện khá thành công, đem lại hiệu quả rõ rệt là những mô hình điển hình, thực tế nhất để tuyên truyền, vận động, khuyến khích phát triển các hình thức liên kết. Bước đầu có một vài doanh nghiệp có thị trường ổn định ở các tỉnh, thành phố lớn trên cả nước và một số nước trên thế giới, tạo ra nhiều cơ hội để mở rộng thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu.

- Trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu hiện nay sẽ là cơ hội để các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao có khả năng xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới.

- Hàng năm có rất nhiều lớp tập huấn, các mô hình trình diễn và các cuộc hội thảo, qua đó ý thức và trình độ canh tác của người dân đã được nâng lên, nhiều điển hình nông dân sản xuất giỏi xuất hiện cùng nhau hỗ trợ, hợp tác để cộng đồng cùng phát triển.

- Từng bước xây dựng được thương hiệu hồ tiêu, khoai lang Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, từ đó có thể nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao chất lượng, sản lượng, tăng giá trị cho nông sản Đắk Song.

- Việc ứng dụng thành công các công nghệ mới, khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương đã đem lại hiệu quả kinh tế cho người nông dân, làm tăng năng suất, chất lượng cũng như giá trị sản phẩm. Hiện nay, bà con nông dân đã ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi có ưu thế lai cho năng suất và chất lượng cao, khả năng chống chịu bệnh tốt, ứng dụng rộng rãi các chế phẩm vi sinh trong sản xuất... Ngoài ra lựa chọn bổ sung vào cơ cấu giống lúa, ngô, đưa các giống vật nuôi như bò lai, lợn lai, cá rô phi đơn tính, cá trê... có giá trị kinh tế, năng suất cao vào nuôi trồng. Cùng với các thành tựu về giống, thời gian qua các tiến bộ kỹ thuật trong việc chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cũng như quy trình thâm canh cây trồng đã được áp dụng phổ biến.

2. Khó khăn:

- Là huyện thuần nông, điểm xuất phát thấp, việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất còn ít chưa đáp ứng được so với nhu cầu phát triển sản xuất.

- Trong cơ cấu nông nghiệp, trồng trọt vẫn giữ vai trò chính, chăn nuôi, dịch vụ chưa phát triển tương xứng, giá trị cơ cấu của lâm sản và thủy sản còn rất nhỏ. Chuyển đổi cây trồng, vật nuôi mang tính tự phát, theo cảm tính, chưa thực sự bền vững, sản xuất ở nhiều vùng còn mang tính tự cung tự cấp, đặc biệt không theo quy hoạch. Tập quán canh tác lạc hậu, nhỏ lẻ, manh mún nên khó khăn trong việc cơ giới hóa nông nghiệp, còn mang tư tưởng sản xuất nhỏ, thủ công.

- Việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp còn chậm, sản phẩm hàng hóa làm ra chỉ ở dạng thô, tính cạnh tranh thấp.

- Kinh phí để đầu tư mô hình còn hạn chế, từ đó chưa tạo ra được bước đột phá mới trong chuyển giao công nghệ sản xuất.

- Thị trường tiêu thụ nhỏ hẹp, phụ thuộc vào thương lái, tình trạng được mùa mất giá vẫn xảy ra thường xuyên.

- Ý thức của một bộ phận nông dân còn hạn chế, chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt, ít quan tâm đến lợi ích lâu dài, sợ trách nhiệm nên chưa thật sự quan tâm tham gia chuỗi liên kết. Trong quá trình triển khai thực hiện, một số dự án liên kết hoạt động kém hiệu quả, các thành viên tham gia liên kết không thực hiện đúng cam kết và nội dung hợp đồng làm giảm niềm tin giữa nông dân và doanh nghiệp, hạn chế quá trình thúc đẩy phát triển liên kết mới.

- Đặc thù của hoạt động sản xuất nông nghiệp tiềm ẩn nhiều rủi ro về giá cả, thiên tai, dịch bệnh, một số nông sản chịu tác động rất lớn về biến động thị trường, đặc biệt là thị trường quốc tế, nằm ngoài phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp (ví dụ thị trường cà phê, hồ tiêu ...). Do đó khi xuất hiện yếu tố rủi ro gây thiệt hại cho các bên liên kết khi có biến động lớn, việc chia sẻ trách nhiệm rủi ro không thỏa đáng sẽ ảnh hưởng đến tính bền vững của quá trình liên kết.

- Hiện nay yêu cầu của thị trường nông sản ngày càng cao và khắt khe, đặc biệt là việc đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, ATTP và giá trị dinh dưỡng. Một số chuỗi liên kết sản xuất các sản phẩm giá trị cao, phân phối cho các thị trường cao cấp đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt, nông dân khó tiếp cận.

- Nghị định 98/2018/NĐ-CP ra đời với nhiều cơ chế chính sách mới, sát với nhu cầu thực tiễn của các bên tham gia liên kết; tuy nhiên mức hỗ trợ trên một số nội dung còn thấp; trình tự thủ tục phức tạp, quá trình triển khai tại địa phương, cơ sở còn nhiều lúng túng cũng ảnh hưởng nhất định đến tiến độ thực hiện các mục tiêu trong phát triển liên kết chuỗi của huyện.

- Trong hoạt động thu hút đầu tư, một số doanh nghiệp có nhu cầu diện tích lớn nhưng huyện thiếu quỹ đất sạch tập trung, phần lớn các doanh nghiệp phải tự liên hệ thỏa thuận với người dân, chi phí đền bù cao cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thu hút đầu tư.

- Quy mô, vai trò và năng lực của các HTX, doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được thực tế hiện nay, kết nối các xã viên chưa bền vững, quy mô sản xuất còn nhỏ, thiếu vốn, thiếu nguồn nhân lực lao động có trình độ công nghệ; kiến thức về thị trường và xúc tiến thương mại còn yếu. Do đó còn rất hạn chế trong việc tìm kiếm đối tác, tìm kiếm thị trường nhất là thị trường xuất khẩu. Việc liên kết kết nối đầu vào (nguyên liệu sản xuất) với các HTX, với người sản xuất còn lỏng lẻo và kết nối với các thị trường không bền vững.

- Hầu hết các doanh nghiệp, thương lái tham gia trong chuỗi tập trung vào hoạt động mua đứt, bán đoạn, hoạt động theo thương vụ chưa chú trọng đến liên kết lâu dài, liên kết bền vững. Các vấn đề về bảo vệ môi trường, thương hiệu, sản xuất theo tiêu chuẩn, áp dụng công nghệ cao chưa được quan tâm phù hợp, nên việc xây dựng và phát triển chuỗi nông sản bền vững đang gặp khó khăn.

IV. Giải pháp phát triển ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, tạo kết nối giữa vùng sản xuất và thị trường tiêu thụ.

1. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp

- Nâng cấp các công trình thủy lợi đã xuống cấp, áp dụng rộng rãi việc sử dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho các loại cây trồng,

- Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, vùng phát triển NNCNC, đồng thời có chính sách ưu đãi thu hút vốn của các thành phần kinh tế đầu tư cho ngành nông nghiệp

2. Khuyến khích, thu hút đầu tư từ nhiều thành phần kinh tế trong xã hội và quản lý sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư

- Tăng đầu tư ngân sách cho nông nghiệp, phát triển nông thôn, ưu tiên hỗ trợ các chuỗi ngành hàng có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Tập trung đầu tư có trọng điểm vào các ngành hàng sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

- Đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước, các doanh nghiệp và tư nhân để huy động các nguồn lực xã hội cho sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Đề xuất, có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp kí hợp đồng tiêu thụ sản phẩm lâu dài cho nông dân, các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ cao và tham gia xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp.

- Bố trí quỹ đất phục vụ thu hút đầu tư các nhà máy chế biến nông sản, kho chứa nông sản.

- Huy động nguồn vốn trong dân để phát triển sản xuất theo các cơ chế, chính sách ưu đãi.

3. Nâng cao hiệu quả của hoạt động Tổ hợp tác, HTX, khuyến nông, nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ KH-CN, đào tạo nông dân và lao động nông thôn hướng chuyên nghiệp.

- Lấy HTX là trọng tâm để kết nối giữa người sản xuất và các Doanh nghiệp chế biến.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho các chủ cơ sở sản xuất nông nghiệp quy mô lớn: chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất nông nghiệp về kỹ thuật, kỹ năng quản trị sản xuất (tài chính, lao động, canh tác,...).

- Đào tạo nghiệp vụ cán bộ khuyến nông; tạo điều kiện để cán bộ khuyến nông, cán bộ BVTV, thú y hoạt động có hiệu quả, có điều kiện hành nghề đồng thời tăng thu nhập.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của chuỗi giá trị trong phát triển sản xuất nông nghiệp; tích cực tham gia các tổ hợp tác, HTX để cùng nhau phát triển vùng nguyên liệu ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu chế biến và thị trường tiêu thụ. Đồng thời thay đổi tập quán canh tác, sản xuất truyền thống và thay thế vào bằng áp dụng khoa học - kỹ thuật mới vào canh tác. Canh tác sản xuất đi đôi với chất lượng sản phẩm; đưa trách nhiệm và đạo đức người sản xuất vào từng sản phẩm.

- Đẩy mạnh việc đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực.

- Tập huấn, nâng cao kiến thức kỹ năng, trách nhiệm cho các thương lái, thu gom, chế

biên và các chủ cơ sở sản xuất dịch vụ phi nông nghiệp; các cơ sở kinh doanh; các doanh nghiệp kiến thức hiểu biết về chính sách, pháp luật...

4. Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

- Thực hiện xây dựng cánh đồng mẫu lớn, hợp tác sản xuất, phát triển kinh tế trang trại.

- Xây dựng hệ thống bảo quản, chế biến, đảm bảo sự đồng bộ giữa các nhà máy, vùng nguyên liệu để tiết kiệm chi phí vận chuyển, giảm tỷ lệ hao hụt.

- Thâm canh tăng năng suất cây trồng, giảm diện tích cây lúa, ngô chuyển sang cây, con có giá trị cao.

- Tập trung vào các loại cây trồng chủ lực và có thế mạnh của huyện như cà phê, tiêu, bắp sù, khoai lang, bí đỏ...

- Chuyển cơ cấu vật nuôi theo hướng tăng đàn trâu, bò, lợn, gia cầm và đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng lâm nghiệp, mở rộng diện tích vùng nguyên liệu cung cấp cho các cơ sở chế biến.

- Xây dựng và phát triển các vùng sản xuất, tập trung, tiếp tục hình thành và phát triển các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và thị trường.

5. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm.

- Tập trung chỉ đạo nhân dân phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá và các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với từng vùng có hiệu quả để tăng thu nhập, nâng cao đời sống. Hướng dẫn nhân dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, lựa chọn mô hình, phương án sản xuất có hiệu quả, khuyến khích nhân dân đầu tư phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, các tổ hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ, phục vụ sản xuất.

- Đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp. Tăng cường công tác nghiên cứu, xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn, hội thảo chuyên gia kỹ thuật cho nông dân, tuyên truyền, nhân rộng kết quả các chương trình khuyến nông, những thông tin về kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, trên địa phương đối với các cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, đặc biệt chú trọng vào các vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn. Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, áp dụng các giống mới, các mô hình hiệu quả vào sản xuất.

- Phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, chú trọng việc sử dụng hiệu quả các loại thuốc BVTV, phân bón, từ đó giảm dư lượng thuốc BVTV trong các sản phẩm nông nghiệp và đảm bảo vệ sinh môi trường.

7. Phát triển thị trường tiêu thụ, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường, gắn sản xuất với tiêu thụ, phát triển liên kết chuỗi giá trị.

- Phát triển hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh liên kết 4 nhà.

- Xây dựng và quy hoạch vùng nguyên liệu, cây trồng tập trung.

- Chú trọng đầu tư phát triển, khuyến khích thành lập hệ thống doanh nghiệp, cơ sở chế biến thu mua nông sản, hàng hóa nhằm hỗ trợ nông dân vật tư nông nghiệp, bước

đầu ổn định thị trường tiêu thụ và trên cơ sở đó từng bước mở rộng khả năng tiêu thụ nông sản hàng hóa, thu hút nguồn nguyên liệu tại chỗ và các vùng lân cận.

- Có chính sách bảo trợ nông nghiệp qua giá, qua đầu tư, qua thuế, trợ cấp vốn mua vật tư ban đầu, nhằm giúp nông dân tích lũy, tập trung sản xuất.

- Khuyến khích cá nhân, đơn vị hình thành các hợp tác xã, tổ, nhóm cùng sở thích hợp tác phát triển sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu, đặc biệt hiện nay phải kể đến xây dựng thương hiệu cho cây hồ tiêu, và khoai lang.

- Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, chuyển giao khoa học kỹ thuật, áp dụng giống cây trồng, vật nuôi mới, sử dụng hiệu quả phân, thuốc BVTV... nhằm giảm chi phí đầu tư, tăng năng suất, chất lượng nông sản, từ đó tăng giá trị và hiệu quả kinh tế.

- Đẩy mạnh khâu bảo quản, chế biến nhằm giảm tỷ lệ hao hụt và bảo quản chất lượng nông sản.

- Đầu tư nâng cấp và đổi mới công nghệ chế biến, nâng cao khả năng cạnh tranh cho nông sản.

- Chủ động tìm kiếm đầu ra, cung ứng vật tư đến sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ hàng hóa sản xuất.

- Tăng cường công tác hỗ trợ quảng bá sản phẩm nông sản, xúc tiến thương mại tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp tìm kiếm thị trường...

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của các loại vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp.

- Thực hiện các bản tin chuyên đề, chuyên mục phóng sự về nông sản chất lượng cao của huyện để quảng bá, giới thiệu trên các kênh truyền thông.

- Xây dựng các chuỗi giá trị ngành hàng, xác định và hình thành mối liên kết giữa người cung ứng đầu vào, người sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại dưới nhiều hình thức: giới thiệu, quảng bá các sản phẩm có chất lượng cao trên Website của huyện, tỉnh, ngành, doanh nghiệp; thường xuyên cập nhật các thông tin và dự báo về thị trường, giá cả nông sản.

- Tăng cường tham gia các Hội chợ để quảng bá các sản phẩm hàng hóa sản xuất và tìm kiếm cơ hội hợp tác, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, hợp tác kinh doanh mua bán, tiêu thụ sản phẩm và tìm đối tác đầu tư phát triển sản xuất.

Trên đây là báo cáo thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững theo chuỗi liên kết giai đoạn 2020-2025 của UBND huyện Đắk Song để Chi cục PTNN tỉnh Đắk Nông được biết, tổng hợp báo cáo. *ML*

Nơi nhận :

- Chi cục PTNN;
- CT, PCT Lê Việt Sinh;
- Phòng NN& PTNT;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


NGUYỄN NGỌC THÂN